TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh ,

Bà Tạ Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2026/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1993;

Căn cước công dân số: 031093014684 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đào Thị H1, sinh năm 1994;

Căn cước công dân số: 034194005016 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/5/2021.

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh tự nguyện kết hôn với chị Đào Thị H1 vào ngày 22/5/2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, không còn thương yêu tôn trọng nhau. Dù sống chung một nhà nhưng thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; anh xin ly hôn chị Đào Thị H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Phạm Minh T, sinh ngày 04/4/2022. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện nay anh có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi con tốt.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là chị Đào Thị H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng chị H1 không đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp và hòa giải, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, chị H1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị H1 là bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn chị H1. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh T, sinh ngày 04/4/2022 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh H xin ly hôn chị H1 và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Chị H1 cư trú tại thôn P, xã K; sau khi sắp xếp, tổ chức lại và đổi tên các thôn trên địa bàn xã K, thôn P được thành lập trên cơ sở sáp nhập thôn P và thôn P. Vì vậy, địa chỉ hiện nay của chị H1 là thôn P, xã K, thành phố Hải Phòng; căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh H và chị H1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh H đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H1 xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng). Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, không còn thương yêu tôn trọng nhau. Dù sống chung một nhà nhưng thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án, chị H1 không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh H. Xét hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của anh H, cho anh H được ly hôn chị H1 là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 04/4/2022. Anh H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H1 không có ý kiến về con chung và yêu cầu của anh H. Xét thấy hiện nay cháu T đang ở cùng nhà với anh H và bố mẹ đẻ anh H; anh H có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không có ý kiến, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H được ly hôn chị Đào Thị H1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh T, sinh ngày 04/4/2022 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004012 ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiến Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Thị Minh **Tạ Thị Hương** **Phạm Thị Ngà**